

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

MÃ NGÀNH: 7340404

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-NTT ngày 28 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Human Resource Management.

+ Tên tiếng Việt: Quản trị nhân lực.

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: 2020 - 2023

Thời gian đào tạo: 3 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị nhân lực.

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Human Resource Management

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Quản trị kinh doanh

+ Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM.

+ Điện thoại liên lạc: 028-62565693, Số lẻ: 222.

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

- **Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- **Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:**
 - **Phương thức 1:** Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - **Phương thức 2:** Xét điểm học bạ của học sinh THPT, thí sinh chọn 1 trong 3 phương thức sau:
 - (1) Xét tổng điểm của tổ hợp 3 môn xét tuyển trong năm học lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên;
 - (2) Xét điểm trung bình học bạ cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên;

(3) Xét điểm trung bình 5 học kỳ gồm 2 học kỳ của năm lớp 10, 2 học kỳ của năm lớp 11 và học kỳ 1 của năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên.

- **Phương thức 3:** Xét điểm thi do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức;
- **Phương thức 4:** Xét kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG Tp. HCM
- **Phương thức 5:** Tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế
- **Các tổ hợp môn xét tuyển:**

(1) A00: Toán, Vật lý, Hoá

(2) A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

(2) D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

(4) D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

3. Các điều kiện tốt nghiệp: Theo Quyết định số 243/QĐ-NTT ngày 08/5/2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy khoá 2020.

4. Thang điểm

Thang điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 -10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 -5,4): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F (dưới 4,0): Kém

Cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương đương với 4

B tương đương với 3

C tương đương với 2

D tương đương với 1

F tương đương với 0

II. NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)

- **GA1.** Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp;
- **GA2.** Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực, Quản trị trả công lao động, Quan hệ lao động, Đánh giá kết quả thực hiện công việc;
- **GA3.** Xây dựng quan hệ người-người (Hỗ trợ đồng sự, Huấn luyện nhân viên, Đóng góp sáng kiến, Xây dựng mối quan hệ, Làm việc nhóm, Trao đổi kinh nghiệm, Tham gia cộng đồng nghề nghiệp);
- **GA4.** Năng lực giao tiếp (Thuyết trình, Đàm phán, Tranh luận, Giao tiếp bằng cử chỉ, Giao tiếp bằng văn bản, Giao tiếp xã hội, Sử dụng đa phương tiện trong giao tiếp, Đàm thoại xã hội, Ứng xử văn hóa, Xác định phong cách, Tạo sự tin cậy)

- **GA5.** Phát triển bản thân (Tìm kiếm, Thăm tra, Phân tích, Đánh giá, Tư duy phản biện, Giải quyết vấn đề, Ngoại ngữ, Tin học quản lý, Tư duy sáng tạo, Tư duy hệ thống, Tư duy logic, Định hướng nghề nghiệp, Phân tích tình huống)
- **GA6.** Phẩm chất (Trách nhiệm xã hội, Đáng tin cậy, Trung thành, Hành xử chuyên nghiệp, Kiên định, Thích ứng, Liêm chính, Đạo đức, Ham học hỏi, Cập nhật kiến thức, Khiêm tốn, Kiên nhẫn, Tập trung, Nỗ lực cạnh tranh, Đam mê, chịu khó).

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programme Educational Objectives – PEOs)

Sinh viên sau khi tốt nghiệp trở thành người:

- **PEO1.** Quản trị, tư vấn các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.
- **PEO2.** Hoạch định chiến lược và phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam và hội nhập quốc tế.
- **PEO3.** Liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo và đổi mới đóng góp cho ngành nhân lực và các lĩnh vực liên quan, mang lại lợi ích cho cộng đồng.

3. Kết quả học tập mong đợi /Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes - ELOs)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Quản trị nhân lực có:

Kiến thức:

- **ELO1 (K1):** Áp dụng kiến thức toán, khoa học, văn hoá, xã hội, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào phân tích và lý giải các tình huống khác nhau trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.
- **ELO2 (K2):** Phân tích thị trường lao động, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, và cách tiếp cận của ngành quản trị nguồn nhân lực.
- **ELO3 (K3):** Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, bao gồm cả sự đa dạng và toàn cầu hóa.
- **ELO4 (K4):** Xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho nhân viên, khách hàng, cộng đồng và xã hội.

Kỹ năng

- **ELO5 (S1):** Giải quyết các vấn đề của ngành quản trị nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan bằng cách vận dụng tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.
- **ELO6 (S2):** Áp dụng các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm chuyên nghiệp, hiệu quả trong bối cảnh đa dạng, đa văn hoá trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng.
- **ELO7 (S3):** Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động quản trị nguồn nhân lực như hoạch định, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá kết quả thực hiện công việc, trả công lao động, quan hệ lao động và các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực khác.

- **ELO8 (S4):** Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định tính và định lượng nhằm đưa ra kết luận cho các vấn đề trong quản trị con người.

Thái độ

- **ELO9 (A1):** Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- **ELO10 (A2):** Định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (*program ideas*)

- **Bộ môn Nguồn nhân lực - Khoa Quản trị kinh doanh thiết kế chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo theo trình tự như sau:**
 - Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề quản trị nhân lực;
 - Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các nhà lãnh đạo và người lành nghề trong lĩnh vực nguồn nhân lực về các năng lực cũng như xác định các công việc cần thực hiện theo từng năng lực;
 - Xây dựng chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực;
 - Xác định các môn học cần giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo gồm: Chuẩn đầu ra, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy để sinh viên đạt được các kết quả học tập mong đợi;
 - Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo cân đối giữa 2 khối kiến thức: Khối kiến thức đại cương, Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
 - Thiết kế lộ trình học tập có tính kết nối hệ thống giữa các môn học lý thuyết, môn học thực hành trong trường và môn học thực hành ngoài trường nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra.
- **Nguyên tắc tổ chức các môn học, cách thức tích hợp kỹ năng, cấu trúc các nhóm học phần:**
 - Thiết kế đề cương chi tiết các môn học theo trình tự: Xây dựng chuẩn đầu ra, phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung giảng dạy.
 - Trước khi xây dựng đề cương, một số các môn học được Khoa/Bộ môn giao nhiệm vụ vừa giảng dạy kiến thức, kỹ năng và thái độ của môn học; vừa giảng dạy thêm các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho sinh viên;
 - Một số môn học có kiến thức liên quan khá chặt chẽ, khi sinh viên hoàn thành các môn học này sẽ đạt được một số các năng lực thực hành nghề nghiệp cụ thể thì được Bộ môn tích hợp thành các Module như: Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh; Module tuyển dụng và đào tạo, Module quản lý hiệu quả làm việc và tiền lương, Module quan hệ lao động và thông tin nhân sự.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Quản trị học (3 tín chỉ)	4	14	10,1 %
	Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)			
	Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (5 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (3 tín chỉ)			
GA2	Module Tuyển dụng và Đào tạo (5 tín chỉ)	3	15	10,9%
	Module QLHQLV và tiền lương (5 tín chỉ)			
	Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự (5 tín chỉ)			
GA3	Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự (3 tín chỉ)	4	15	10,9%
	Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp (3 tín chỉ)			
	Thực tập chuyên ngành (4 tín chỉ)			
	Module Tuyển dụng và Đào tạo (5 tín chỉ)			
GA4	Kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)	5	10	7,2%
	Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)			
	Giao tiếp liên văn hóa (2 tín chỉ)			
	Kỹ năng đàm phán, thương lượng (2 tín chỉ)			
	Tâm lý học nhân sự (2 tín chỉ)			
GA5	Khởi nghiệp (2 tín chỉ)	14	34	24,6%
	Tư duy phản biện (3 tín chỉ)			
	Tư duy sáng tạo (2 tín chỉ)			
	Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp (1 tín chỉ)			
	Tiếng Anh tổng quát và Tiếng Anh giao tiếp quốc tế (18 tín chỉ)			
	Tin học MOS1 và MOS2 (4 tín chỉ)			
	English for service industry (2 tín chỉ)			
	English for Business Correspondence, Presentation and Meetings (2 tín chỉ)			
GA6	Văn hóa doanh nghiệp (2 tín chỉ)	3	6	4,3%
	Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT (2 tín chỉ)			
	Luật lao động (2 tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 138 tín chỉ (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)

Trong đó:

- Kiến thức đại cương	: 49 tín chỉ	Tỉ lệ: 35,5 %
- Kiến thức chuyên nghiệp:	: 83 tín chỉ	Tỉ lệ: 64,1 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 49 tín chỉ	Tỉ lệ: 35,5 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 34 tín chỉ	Tỉ lệ: 24,6 %
- Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	: 6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,3 %

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		49	585	300		
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0		Elearning
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	30	0	075580 (a)	Elearning
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	075580 (a) 075581 (a)	Elearning
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	075580 (a) 075584 (c)	Elearning
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	075580 (a) 075583 (c)	Elearning
6	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0		Lý thuyết
7	071485	Tâm lý học đại cương	2	30	0		Lý thuyết
8	074887	Toán kinh tế	3	45	0		Lý thuyết
9	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0		Lý thuyết
10	073513	Khởi nghiệp	2	30	0		Lý thuyết kết hợp Đề án
11	074889	Tư duy phản biện	3	45	0		Lý thuyết
12	070796	Tư duy sáng tạo	2	30	0		Lý thuyết
13	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	30	30		LT + TH
14	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	30	30	073499(a)	LT + TH
15	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	30	30	073500(a)	LT + TH
16	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	30	30	073501(a)	LT + TH
17	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	30	30	073502(a)	LT + TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT		Môn học	Hình
18	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	30	30	073503(a)	LT + TH
19	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	0	60		Thực hành
20	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	0	60		Thực hành
21	070022	Giáo dục quốc phòng*	8	90	30		LT + TH
22	070023	Giáo dục thể chất*	5	15	90		LT + TH
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		83	915	660		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		49	615	240		
		Bắt buộc	45	585	180		
23	073464	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2	30	0		Lý thuyết
24	074908	Giao tiếp liên văn hóa	2	15	30		Lý thuyết
25	071521	Hành vi khách hàng	2	30	0		Lý thuyết
26	000838	Kinh tế quốc tế	3	45	0		Lý thuyết
27	000840	Kinh tế vi mô	3	45	0		Lý thuyết
28	000841	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	000840(a)	Lý thuyết
29	074897	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	2	30	0	000841(a)	Lý thuyết
30	071486	Kỹ năng thuyết trình	2	30	0		LT + TH
31	032005	Marketing căn bản	3	45	0		Lý thuyết
32	075639	Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	5	45	60		LT + TH
33	072400	Nghệ thuật lãnh đạo	3	45	0		Lý thuyết
34	076234	Quản lý sự thay đổi	2	30	0		Lý thuyết
35	032003	Quản trị học	3	45	0		Lý thuyết
36	070352	Quản trị chiến lược	3	45	0	032003(a)	Lý thuyết
37	074917	Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp	1		30		Thực hành
38	073629	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	0	032003(a)	Lý thuyết
39	074914	English for service industry	2	15	30		LT + TH
40	074907	English for Business Correspondence, Presentation and Meetings	2	15	30		LT + TH
	Tự chọn		4	30	60		
41	073621	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	0		LT + TH
42	001331	Quản trị quan hệ công chúng	2	30	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT		Môn học	Hình
43	074902	Kỹ năng biểu diễn thanh nhạc	1	0	30		Thực hành
44	074903	Kỹ năng biểu diễn dancing	1	0	30		Thực hành
45	074904	Võ thuật	1	0	30		Thực hành
46	074905	Bóng bàn	1	0	30		Thực hành
II. 2	Kiến thức ngành/chuyên ngành		34	300	420		
47	070342	Hành vi tổ chức	3	45	0	032003(a)	Lý thuyết
48	075640	Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT	2	30	0		Lý thuyết
49	071497	Luật lao động	2	30	0		Lý thuyết
50	075641	Module quản lý hiệu quả làm việc và tiền lương	5	45	60		LT + TH
51	075642	Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự	5	45	60		LT + TH
52	075643	Module Tuyển dụng và đào tạo	5	45	60		LT + TH
53	074119	Tâm lý học nhân sự	2	30	0		Lý thuyết
54	075644	Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự	3	15	60		LT + TH
55	075645	Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp	3	15	60		LT + TH
56	075646	Thực tập chuyên ngành	4	0	120		Thực hành
III	TỐT NGHIỆP		6	--	--		
	Phương án A						
57	075647	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	180		Thực hành
	Phương án B		6	--	--		
	Bắt buộc						
58	071499	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	90		Thực hành
	Tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn sau)						
59	075648	Quản trị truyền thông tích hợp	3	45	0		Lý thuyết
60	075649	Quản trị thương hiệu	3	45	0		Lý thuyết

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			17	
1	070022	Giáo dục quốc phòng	8*	
2	073464	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2	
3	071486	Kỹ năng thuyết trình	2	
4	032003	Quản trị học	3	
5	071485	Tâm lý học đại cương	2	
6	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	
7	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
8	074887	Toán kinh tế	3	
HỌC KỲ 2			17	
1	070023	Giáo dục thể chất	5*	
2	071521	Hành vi khách hàng	2	
3	000840	Kinh tế vi mô	3	
4	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
5	032005	Marketing căn bản	3	
6	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	073499(a)
7	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	
8	070796	Tư duy sáng tạo	2	
HỌC KỲ 3			17	
Học phần bắt buộc				
1	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	
2	000841	Kinh tế vĩ mô	3	000840(a)
3	075643	Module Tuyển dụng và đào tạo	5	073464 (a), 032003(a)
4	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	073500(a)
5	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
Học phần tự chọn				
1	074902	Kỹ năng biểu diễn thanh nhạc	1	
2	074903	Kỹ năng biểu diễn dancing	1	
HỌC KỲ 4			19	
1	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	
2	075644	Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự	3	073464 (a)
3	074897	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	2	
4	071497	Luật lao động	2	
5	070011	Pháp luật đại cương	2	
6	074889	Tư duy phản biện	3	
7	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	073501(a)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
8	073629	Văn hóa doanh nghiệp	2	032003(a)
HỌC KỲ 5			19	
Học phần bắt buộc			17	
1	074908	Giao tiếp liên văn hóa	2	070006 (a)
2	070342	Hành vi tổ chức	3	032003(a)
3	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
4	075640	Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT	2	
5	075641	Module quản lý hiệu quả làm việc và tiền lương	5	073464 (a) 071497 (a)
6	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	073502(a)
Học phần tự chọn			2	
1	001331	Quản trị quan hệ công chúng	2	
2	073621	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	070006(a)
HỌC KỲ 6			19	
Học phần bắt buộc			18	
1	075645	Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp	3	
2	073513	Khởi nghiệp	2	
3	000838	Kinh tế quốc tế	3	
4	075639	Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	5	
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580 (a)
6	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	073503(a)
Học phần tự chọn			1	
1	074904	Võ thuật	1	
2	074905	Bóng bàn	1	
HỌC KỲ 7			16	
1	074907	English for Business Correspondence, Presentation and Meetings	2	
2	074914	English for service industry	2	
3	075642	Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự	5	071497 (a)
4	074917	Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp	1	
5	070352	Quản trị chiến lược	3	032003(a)
6	072400	Nghệ thuật lãnh đạo	3	032003(a)
HỌC KỲ 8			8	
1	076234	Quản lý sự thay đổi	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
2	074119	Tâm lý học nhân sự	2	071485(a)
3	075646	Thực tập chuyên ngành	4	
HỌC KỲ 9			6	
<i>Phương án A</i>			6	
1	075647	Khoá luận tốt nghiệp	6	
<i>Phương án B</i>			6	
Học phần bắt buộc				
1	071499	Chuyên đề tốt nghiệp	3	
<i>Học phần tự chọn</i>				
1	075649	Quản trị thương hiệu	3	
2	075648	Quản trị truyền thông tích hợp	3	

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.

S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
6	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
7	071485	Tâm lý học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
8	074887	Toán kinh tế	3	H	N	N	N	S	N	N	N	S	N	3
9	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	5
10	073513	Khởi nghiệp	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	H	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
11	074889	Tư duy phản biện	3	H	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
12	070796	Tư duy sáng tạo	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
13	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
14	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
15	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
16	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
17	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
18	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
19	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
20	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
21	070022	Giáo dục quốc phòng*	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
22	070022	Giáo dục thể chất*	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
23	073464	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2	S	S	S	N	N	N	N	N	S	S	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
24	074908	Giao tiếp liên văn hóa	2	S	N	N	N	N	H	N	N	N	N	2
25	071521	Hành vi khách hàng	2	N	H	N	N	S	S	N	N	N	S	4
26	000838	Kinh tế quốc tế	3	H	S	N	N	N	N	N	N	S	N	3
27	000840	Kinh tế vi mô	3	H	S	N	N	N	N	N	N	S	N	3
28	000841	Kinh tế vĩ mô	3	H	S	N	S	N	N	N	N	S	N	4
29	074897	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	2	H	S	N	N	N	N	N	N	S	N	3
30	071486	Kỹ năng thuyết trình	2	N	N	N	N	N	H	N	N	N	S	2
31	032005	Marketing căn bản	3	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	3
32	075639	Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	5	N	S	S	S	S	S	H	H	S	S	9
33	072400	Nghệ thuật lãnh đạo	3	S	N	N	N	S	H	S	N	S	S	6
34	072391	Quản lý sự thay đổi	2	N	S	S	N	N	N	N	N	S	S	4
35	032003	Quản trị học	3	S	S	S	N	N	S	N	N	S	S	6
36	070352	Quản trị chiến lược	3	S	S	S	H	N	S	N	N	S	S	7
37	074917	Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp	1	S	S	S	N	S	S	N	N	S	S	7

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
38	073629	Văn hóa doanh nghiệp	2	N	S	S	N	N	S	N	N	S	N	4
39	074914	English for service industry	2	N	N	N	N	N	H	N	N	N	H	2
40	074907	English for Business Correspondence, Presentation and Meetings	2	N	N	N	N	N	H	N	N	N	H	2
41	073621	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	N	N	N	N	H	H	H	N	N	N	3
42	001331	Quản trị quan hệ công chúng	2	N	S	N	N	N	S	N	N	S	N	3
43	074902	Kỹ năng biểu diễn thanh nhạc	1	N	N	N	N	S	S	N	N	N	N	2
44	074903	Kỹ năng biểu diễn dancing	1	N	N	N	N	S	S	N	N	N	N	2
45	074904	Võ thuật	1	N	N	N	N	S	S	N	N	N	N	2
46	074905	Bóng bàn	1	N	N	N	N	S	S	N	N	N	N	2
47	070342	Hành vi tổ chức	3	N	N	S	N	N	H	S	S	S	N	5
48	075640	Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT	2	S	N	N	N	N	S	H	N	S	N	4
49	071497	Luật lao động	2	S	N	N	N	N	S	H	N	S	N	4

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
50	075642	Module quản lý hiệu quả làm việc và tiền lương	5	S	H	S	S	N	N	H	N	S	N	6
51	075642	Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự	5	S	N	H	S	N	S	H	S	S	N	7
52	075643	Module Tuyển dụng và đào tạo	5	S	H	S	S	N	S	H	N	S	N	7
53	074119	Tâm lý học nhân sự	2	N	S	N	N	S	S	N	N	N	N	3
54	075644	Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự	3	N	S	S	N	S	S	S	N	S	H	7
55	075645	Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp	3	N	S	S	N	S	S	S	N	S	H	7
56	075646	Thực tập chuyên ngành	4	S	H	S	S	S	H	S	S	H	H	10
57	075647	Khoá luận tốt nghiệp	6	S	H	S	S	S	S	H	H	H	H	10
58	071499	Chuyên đề tốt nghiệp	3	S	H	S	S	S	S	H	H	H	H	10
59	075648	Quản trị truyền thông tích hợp	3	N	S	S	N	S	N	S	H	S	S	7
60	075649	Quản trị thương hiệu	3	N	S	S	N	S	N	S	N	S	S	6
Tổng (%)				41 (14,3)	24 (8,4)	18 (6,3)	9 (3,1)	37 (12,9)	49 (17,1)	16 (5,6)	7 (2,4)	46 (16)	40 (13,9)	287 (100)

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học Mác – Lê nin: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

Pháp luật đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

Tâm lý học đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lý và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học làm cơ sở để hiểu được: • Nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức. • Bản chất của các quá trình tâm lý của con người như: Nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động và các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách con người.

Toán kinh tế: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Phần quy hoạch tuyến tính: Lý thuyết cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình, bài toán đối ngẫu, ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính. Phần xác suất: phép thử và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất cơ bản; Phần thống kê toán: Lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết.

Kỹ năng giao tiếp: 2 Tín chỉ

Nội dung: Học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

Khởi nghiệp: 2 Tín chỉ

Nội dung: Môn học giới thiệu về tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cùng với các kỹ năng cần thiết giúp sinh viên phát huy khả năng sáng tạo, nhận dạng cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đánh giá ý tưởng; thiết kế mô hình kinh doanh, xây dựng kế hoạch kinh doanh; tìm kiếm nguồn lực triển khai thực hiện và thành lập doanh nghiệp.

Kết thúc môn học, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng được một bản kế hoạch khởi nghiệp cơ bản để hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh của mình hoặc của nhóm khởi nghiệp.

Tư duy phản biện: 3 Tín chỉ

Nội dung: Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về *Các phương pháp tư duy, Lý thuyết lập luận và đánh giá lập luận, Phương pháp tìm tài liệu, các lỗi lập luận, Lập luận diễn dịch và quy nạp, lập luận quy nạp, Các quy luật tư duy và cách viết luận*. Thêm vào đó, nó rèn luyện cho SV các kỹ năng nghề nghiệp về tư duy phân tích, tổng hợp, sắp xếp thông tin, tài liệu và số liệu, biết biện minh cho cách nhìn và giải quyết vấn đề của riêng mình dựa trên những kiến thức và quan điểm đa chiều đã tham khảo và chọn lọc, sử dụng ngôn từ chính xác, lập luận vững chắc, trình tự mạch lạc, dẫn chứng xác thực... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm trong giao tiếp, làm việc nhóm.

Tư duy sáng tạo: 2 Tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu cho SV tổng quan về môn học phương pháp luận sáng tạo và đổi mới, quy trình giải bài toán sáng tạo, phương pháp phân tích hình thái – phương pháp đối tượng tiêu điểm và nguyên tắc sáng tạo. Hướng dẫn SV giải quyết vấn đề trong học tập, công việc và cuộc sống.

Tiếng Anh tổng quát 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Anh tổng quát 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Ở cấp độ này, sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời phát triển hơn nữa các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 2 kỹ

năng nghe - đọc và ôn luyện cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để làm bài thi TOEIC quốc tế đạt mức điểm cao theo yêu cầu của nhà trường.

Tin học MOS 1 (Windows, Word): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về trang tính, sổ tính, nhập liệu, định dạng các kiểu dữ liệu, trình bày bảng tính; sử dụng công thức và hàm trong bảng tính; sắp xếp, trích lọc và tổ chức dữ liệu; chia sẻ tài liệu trên Microsoft Excel; học phần cũng đi vào các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức, sử dụng các đối tượng minh họa cũng như việc sử dụng các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint.

Giáo dục quốc phòng: 8 tín chỉ

Nội dung: Gồm 3 phần

Phần I trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh; Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất và tính chất của chiến tranh, nắm được các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Phần II trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học về quốc phòng, an ninh vào thực tiễn trong học tập và công tác.

Phần III trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuộc nỏ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tù người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK(CKC); Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có những kiến thức chung về quân sự phổ thông,

những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục thể chất: 05 tín chỉ

Gồm 2 nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và đề tự vệ.

Nhập môn ngành Quản trị nhân lực: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trình bày các kiến thức tổng quan về phương pháp học tập bậc đại học, giới thiệu chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực và các năng lực cốt lõi cần có của người làm công tác nhân lực. Hơn nữa, môn học còn đem lại cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về công tác tuyển dụng và đào tạo, đánh giá nhân viên, lương thưởng và phúc lợi xã hội, qua đó cũng giới thiệu cho sinh viên các hoạt động quan hệ lao động trong các tổ chức, doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học còn phát huy chân dung của một sinh viên hiệu quả & lãnh đạo bản thân để trở thành nhà quản trị nhân lực thành công.

Giao tiếp liên văn hóa: 2 tín chỉ

Nội dung: Toàn cầu hoá đã tạo ra cơ hội lớn cho con người trên thế giới tương tác với nhau. Điều đó dẫn đến gia tăng nhiều doanh nghiệp hướng ta toàn cầu hoá. Trên cơ sở đó học phần được thiết kế tập trung thảo luận về sự khác nhau văn hoá giữa nhưng các nền văn hoá và thảo luận về sự ảnh hưởng của nó tác động đến công việc của người lao động trong môi trường làm việc nước ngoài cũng như trong nước. Học phần củng cố nhấn mạnh vào phát triển sự thích nghi của các trong môi trường đa văn hoá

Hành vi khách hàng: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về hành vi khách hàng; hành vi của khách hàng trong quá trình mua sắm; động cơ và hành vi của khách hàng; nhận thức của khách hàng; thái độ của khách hàng và các ảnh hưởng của yếu tố văn hóa xã hội đến hành vi khách hàng. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Hành vi tổ chức: 3 Tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức như: giới thiệu về hành vi tổ chức, những cơ sở của hành vi cá nhân: giá trị, thái độ và sự thỏa mãn đối với công việc, nhận thức và ra quyết định, động viên, những cơ sở của hành vi nhóm, xung đột, giao tiếp, văn hóa tổ chức, đổi mới và phát triển tổ chức.

Kinh tế quốc tế: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế như: những vấn đề chung về kinh tế quốc tế, lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế, lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế, thuế quan - một hình thức hạn chế mậu dịch, các hình thức hạn chế mậu dịch khác và đàm phán mậu dịch đa phương, liên kết kinh tế quốc tế, sự di chuyển nguồn lực quốc tế.

Kinh tế vi mô: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kinh tế vi mô như: những vấn đề cơ bản về kinh tế vi mô, thị trường, cầu và cung, lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, lý thuyết cạnh tranh hoàn toàn, lý thuyết độc quyền hoàn toàn, lý thuyết cạnh tranh không hoàn toàn.

Kinh tế vĩ mô: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Kinh tế quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hiệp hội các quốc gia khu vực Đông Nam Á – ASEAN (Lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, mục tiêu thành lập, định hướng liên kết), quá trình tham gia và hội nhập của Việt Nam vào ASEAN. Sinh viên được tìm hiểu những đặc trưng cơ bản về Kinh tế - Văn hóa – Xã hội của 10 quốc gia khu vực Đông Nam Á.

Kỹ năng thuyết trình: 2 Tín chỉ

Nội dung: Hiểu được vai trò, tầm quan trọng và những yếu tố nền tảng, ảnh hưởng đến kết quả của việc trình bày, thuyết trình hoặc hội họp hiệu quả. Sinh viên biết ứng dụng những công cụ, dụng cụ, phương pháp hữu hiệu nhằm kiểm soát tối ưu quá trình trình bày, thuyết trình và tổ chức hội họp; biết cách tiếp nhận, phản hồi thông tin hiệu quả và chủ động; Biết cách kiểm soát, dẫn dắt người tham dự hướng về mục tiêu chung; nắm được nguyên tắc và biết cách giải quyết những tình huống phức tạp trong quá trình thuyết trình hoặc hội họp.

Marketing căn bản: 3 Tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động marketing như: nhập môn marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị trong thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing.

Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh: 5 Tín chỉ

Nội dung: Môn học bao gồm 9 chương trình bày các kiến thức của phương pháp nghiên cứu khoa học và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phần mềm thống kê, viết báo cáo nghiên cứu và phân tích tổng hợp thông tin để đề xuất giải pháp cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm.

Nghệ thuật lãnh đạo: 3 Tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật lãnh đạo như: bản chất của lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, hiệu quả của quyền lực và các chiến lược ảnh hưởng, phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo, bản chất của công việc và vai trò của người lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, lãnh đạo theo tình huống, lãnh đạo mới về chất, lãnh đạo ra quyết định nhóm.

Quản lý sự thay đổi: 2 Tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng quản lý sự thay đổi như: Tổng quan về sự thay đổi, các mô hình quản trị sự thay đổi, các bước thực hiện sự thay đổi, cách thức thực hiện sự thay đổi, các rào cản đối với sự thay đổi, qui trình thực hiện sự thay đổi.

Quản trị học: 3 Tín chỉ

Nội dung: Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nhằm thực hiện các hoạt động kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

Quản trị chiến lược: 3 Tín chỉ

Nội dung: Quản trị chiến lược xem xét và phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, ứng dụng nguyên lý và chức năng quản trị vào chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh thay đổi chiến lược doanh nghiệp phù hợp dưới những điều kiện môi trường, xu hướng phát triển thị trường và nguồn lực của doanh nghiệp).

Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp: 1 Tín chỉ

Nội dung: Thông qua các báo cáo seminar do chính bản thân thực hiện, sinh viên sẽ có cơ hội chia sẻ những nhận thức về nghề nghiệp trong tương lai, những trải nghiệm mà bản thân đã có sau quá trình tiếp cận với môi trường thực tế, cũng như các kiến thức, kỹ năng về tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá nhân viên, quản lý lao động hiệu quả & tiền

lương, quan hệ lao động, ... nhằm lập kế hoạch định hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Văn hóa doanh nghiệp: 2 Tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và đạo đức kinh doanh như: đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty, phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh, văn hóa công ty, vận dụng trong quản lý – tạo lập bản sắc văn hóa công ty.

English for service industry: 2 Tín chỉ

Nội dung: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu như những kỹ năng và kỹ thuật trong giao dịch thư tín thương mại, trong trình diễn hay giao tiếp đối mặt cũng như điện đàm đàm phán và trong các cuộc họp khác nhau với kỹ thuật viết báo cáo, ghi chép, tóm tắt các cuộc hội họp hay trò chuyện kinh doanh.

English for Business Correspondence, Presentation and Meetings: 2 Tín chỉ

Nội dung: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu như những kỹ năng và kỹ thuật trong giao dịch thư tín thương mại, trong trình diễn hay giao tiếp đối mặt cũng như điện đàm đàm phán và trong các cuộc họp khác nhau với kỹ thuật viết báo cáo, ghi chép, tóm tắt các cuộc hội họp hay trò chuyện kinh doanh.

Kỹ năng đàm phán, thương lượng: 2 Tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung và thực hành kỹ năng đàm phán cơ bản để sinh viên có khả năng thương lượng trong xử lý các xung đột tại nơi làm việc và đàm phán hiệu quả hơn trong môi trường kinh doanh.

Quản trị quan hệ công chúng: 2 Tín chỉ

Nội dung: Tìm hiểu khái niệm quan hệ công chúng; Tìm hiểu bản chất của quan hệ công chúng; Việc áp dụng quan hệ công chúng trong các doanh nghiệp có thể giúp các doanh nghiệp giải quyết được nhiều vấn đề gì?

Kỹ năng biểu diễn thanh nhạc: 1 tín chỉ

Nội dung: Học viên sẽ được tiếp cận với một phương pháp đào tạo Thanh nhạc hoàn toàn mới, linh hoạt trong từng mẫu luyện tập để thích nghi với từng Học viên và nhanh chóng khắc phục những yếu điểm, phát huy tối đa thể mạnh trong từng giọng hát. Học viên sẽ được trang bị những kỹ năng cần thiết nhất, cơ bản nhất và bài bản nhất về Thanh nhạc. Trên cơ sở đó, Học viên sẽ dễ dàng vận dụng các kỹ thuật Thanh nhạc vào thực hành những ca khúc với độ khó tăng dần

Kỹ năng biểu diễn dancing: 1 tín chỉ

Nội dung: Hiểu được lịch sử của khiêu vũ- một trong những nét văn hóa nghệ thuật, văn hóa giao tiếp trong quá trình phát triển của xã hội, nhất là thời kỳ hiện đại khi mà ngoài trường phái cổ điển khiêu vũ đã phát triển thêm một trường phái hiện đại.

Võ thuật: 1 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Võ thuật, về nguồn gốc, lịch sử và sự phát triển của các môn Võ trên thế giới nói chung và môn Võ dân tộc Việt Nam nói

riêng. Thực hiện các kỹ thuật căn bản ban đầu, các kỹ thuật đơn thông thường. Thực hiện các bài tập phối hợp đơn giản. Biết cách tập luyện nhằm tự vệ và nâng cao sức khỏe.

Bóng bàn: 1 Tín Chỉ

Nội dung: Môn bóng bàn rất tốt cho sức khỏe của người chơi, đặc biệt là tim mạch, giúp bạn nhanh chóng tiêu tốn lượng calo rất lớn, tăng cường sức bền của cơ thể, khả năng phản ứng nhanh nhạy, rèn luyện sự nhạy bén cho mắt và tay. Bóng bàn có tác dụng tốt cho tim phổi, rèn luyện sự nhạy bén mắt, chân và tay. Môn bóng bàn giúp bạn phát triển toàn diện cả về trí não lẫn thể chất. Ngoài ra, còn có tác dụng giảm cân, lấy lại thân hình và vóc dáng chuẩn. Chơi bóng bàn giúp tinh thần sảng khoái, thư giãn hơn, giúp kích thích sự tỉnh táo của não bộ, nhạy bén của mắt.

Hành vi tổ chức: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức như: giới thiệu về hành vi tổ chức, những cơ sở của hành vi cá nhân: giá trị, thái độ và sự thỏa mãn đối với công việc, nhận thức và ra quyết định, động viên, những cơ sở của hành vi nhóm, xung đột, giao tiếp, văn hóa tổ chức, đổi mới và phát triển tổ chức.

Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT: 2 Tín chỉ

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quyền và trách nhiệm của người lao động, của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức bảo hiểm xã hội; quỹ bảo hiểm xã hội; thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội và quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Luật lao động: 2 Tín chỉ

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ pháp luật lao động cá nhân và tập thể, các quy định pháp luật về hợp đồng lao động, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, an toàn lao động, vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động, đình công và quản lý nhà nước về lao động.

Module quản lý hiệu quả làm việc và tiền lương: 5 Tín chỉ

Nội dung: Khóa học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về xây dựng và triển khai kế hoạch và hoạt động quản lý hiệu quả làm việc, bao gồm xây dựng KPI, thang đánh giá, kế hoạch triển khai và thực hiện kế hoạch đánh giá trong tổ chức; xây dựng các chính sách tiền lương, quy trình và kỹ thuật tính lương, quyết toán thuế thu nhập cá nhân, kỹ năng quản lý thông tin trong tiền lương như theo dõi bảo hiểm, ngày công, giảm trừ gia cảnh.

Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự: 5 Tín chỉ

Nội dung: Khóa học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về tổ chức và quản lý quan hệ nhân viên, đàm phán hợp đồng, kỷ luật nhân viên và sa thải, điều tra nơi làm việc, giải quyết mâu thuẫn, các hoạt động tăng cường sự tham gia và gắn kết của nhân viên, quản lý nhân viên có hiệu quả làm việc kém. Khóa học cũng cung cấp kiến thức và kỹ năng về quản lý thông tin nhân sự, lập các báo cáo nhân sự, phân tích và đánh giá các thông tin về nguồn nhân lực của tổ chức cho các hoạt động quản trị nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp.

Module Tuyển dụng và đào tạo: 5 Tín chỉ

Nội dung: Khóa học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về định biên nhân sự, hoạch định nguồn nhân lực; lập kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyển dụng và tuyển chọn nhân sự; định hướng và hội nhập cho nhân sự mới tuyển; tìm kiếm và thu hút nhân tài; lập kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển tài năng.

Tâm lý học nhân sự: 2 Tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị những kiến thức về tâm lý học trong lĩnh vực nhân sự, trong đó bao gồm các đặc điểm tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể, sự ảnh hưởng của các đặc điểm tâm lý đó đến thái độ, hành vi, năng suất lao động của họ trong môi trường làm việc.

Fieldtrip 1. Kiến tập quy trình nhân sự: 3 Tín chỉ

Nội dung: Yêu cầu sinh viên tìm hiểu, phân tích và đánh giá một cách trung thực về tình hình hoạt động nhân sự tại đơn vị kiến tập cụ thể. Các vấn đề bao gồm: Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, các chế độ chính sách liên quan đến hoạt động nhân sự của đơn vị. Qua đó, tìm hiểu được quy trình tuyển dụng, quy trình đào tạo, qui trình đánh giá nhân viên, cách giao việc cho nhân viên, các chính sách tiền lương và thưởng, nội qui, qui chế khen thưởng và kỷ luật. Kết thúc hành trình thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ hoàn thành bài báo cáo kiến tập đưa ra nhận xét và đánh giá thực tiễn hoạt động nhân sự thông qua sự hướng dẫn của giảng viên.

Fieldtrip 2. Thực hành nghề nghiệp: 3 Tín chỉ

Nội dung: Yêu cầu sinh viên thực hiện các nghiệp vụ nhân sự tại đơn vị kiến tập cụ thể để sinh viên trải nghiệm thực tế phương pháp và kỹ năng thiết kế, thực hiện, đánh giá và đưa ra các giải pháp cải tiến các hoạt động nhân sự. Các công việc cụ thể bao gồm: Thực hiện, phân tích và đánh giá thực trạng tình hình hoạt động nhân sự tại đơn vị kiến tập. Đưa ra các giải pháp cải thiện hoạt động nhân sự tại đơn vị kiến tập. Xây dựng quy trình tuyển dụng, qui trình đánh giá nhân viên, cách thức giao việc cho nhân viên, các chính sách tiền lương và thưởng, nội qui, qui chế khen thưởng và kỷ luật. Kết thúc quá trình đi thực tế tại doanh nghiệp, Sinh viên sẽ hoàn thành bài Báo cáo thực hành nghề nghiệp hoạt động nhân sự thông qua sự hướng dẫn của Giảng viên.

Thực tập chuyên ngành: 4 Tín chỉ

Nội dung: Sinh viên thực hiện viết báo cáo thực tập tốt nghiệp về một đề tài cụ thể thuộc ngành quản trị nhân lực, gồm: phần giới thiệu, cơ sở lý luận, phân tích đánh giá kết quả nghiên cứu, nêu bài học kinh nghiệm trong quá trình trải nghiệm thực tập và đề xuất giải pháp hoặc khuyến nghị từ kết quả thực tập.

Khóa luận tốt nghiệp: 6 Tín chỉ

Nội dung: Sinh viên thực hiện viết khóa luận tốt nghiệp về một đề tài cụ thể thuộc ngành quản trị nhân lực, gồm: phần mở đầu, phần nội dung gồm 3 chương (Chương 1. Cơ sở lý luận phù hợp với nội dung đề tài; Chương 2. Giới thiệu doanh nghiệp, vấn đề thực tế, thông qua việc thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, sinh viên mô tả đúng thực tế, minh họa đầy đủ và đánh giá sâu sắc tình hình thực tế diễn ra tại doanh nghiệp/ trong thực tế; Chương 3. Phân tích, đánh giá, nhận xét, vận dụng kiến thức đưa ra đề xuất phù hợp, có tính thuyết phục), phần kết luận (Hướng dẫn viết khóa luận tốt nghiệp).

Chuyên đề tốt nghiệp: 3 Tín chỉ

Nội dung: Sinh viên thực hiện viết chuyên đề về một đề tài cụ thể thuộc lĩnh vực nguồn nhân lực gồm phần giới thiệu, cơ sở lý luận, phân tích đánh giá kết quả nghiên cứu, và nêu đề xuất, kiến nghị từ kết quả nghiên cứu.

Quản trị truyền thông tích hợp: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị truyền thông tích hợp như: tổng quan quản trị truyền thông tích hợp, quá trình truyền thông tích hợp, quá trình ra quyết định tiêu dùng, phân khúc thị trường và định vị, thiết các mục tiêu chiêu thị và ngân sách chiêu thị, chào bán hàng trực tiếp, phát triển chiến lược bán hàng, thực hiện chiến lược bán hàng, quản trị khuyến mãi, khuyến mãi đối với người tiêu dùng, khuyến mãi đối với người trung gian và nhân viên bán hàng, giao tế, đánh giá và điều khiển chương trình, khía cạnh xã hội của truyền thông tích hợp.

Quản trị thương hiệu: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chính của thương hiệu và quản trị thương hiệu. Dựa trên kiến thức được trang bị sinh viên sẽ vận dụng vào thực tế nhằm phân tích và đề xuất chiến lược quản trị thương hiệu cho một thương hiệu cụ thể trên thị trường.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Quản trị nhân lực của trường ĐHSPKT Vinh	CTĐT ngành..của Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP. HCM (UEF)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	138 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	120 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	127 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	Tổng số TC của ĐH NTT cao hơn
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	60 môn/138 tín chỉ (gồm cả tự chọn)	48 – 49 môn/ 120 tín chỉ	32-37 môn / 127 tín chỉ	Có sự tương đương trong sự phân bổ khối lượng tín chỉ trong cấu trúc CTĐT
- Học phần đại cương	22 môn/49 tín chỉ	12 môn/26 tín chỉ	12 môn / 58 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	24 môn/49 tín chỉ	22 môn/53 tín chỉ	12 môn / 36 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	10 môn/34 tín chỉ (bao gồm thực tập 4 tín chỉ)	13 môn/36 tín chỉ (bao gồm thực tập 5 tín chỉ)	7 môn / 21 tín chỉ (bao gồm thực tập 3 tín chỉ)	
- Học phần tốt nghiệp	Khóa luận hoặc 2 môn thay thế/ 6 tín chỉ	Khóa luận hoặc 2 môn thay thế/5 tín chỉ	Khóa luận hoặc 5 môn chuyên ngành sâu thay thế / 12 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không có	Không có	Không có	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Phương pháp giảng dạy tích cực. Đối với các môn chuyên ngành, sinh viên đóng vai trò tích cực và tham gia vào việc xây dựng các mục tiêu học tập, giảng viên hỗ trợ bằng cách đặt câu hỏi và thực hành, đưa ra đề	Phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, quan tâm nhiều đến kỹ năng thực hành của sinh viên	Phương pháp giảng dạy tích cực bao gồm thuyết giảng và tổ chức các hoạt động đan xen, giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề và thông qua tình huống	Có sự tương đồng

	xuất nghiên cứu, hướng dẫn quy trình thực hiện và kết nối với cộng đồng người làm nghề nhân lực bên ngoài.				Chính sách học phí căn cứ trên quy định của từng trường
Học phí		Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	
Các đối sánh khác (nếu có)		Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	



Chữ

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 “sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống, E-Learning nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- Chuyên cần & thái độ học tập tích cực như: đặt câu hỏi và phát biểu ý kiến trong giờ học.
 - Lý thuyết:
 - Kiểm tra thường xuyên;
 - Làm bài tập, thảo luận;
 - Thi với hình thức trắc nghiệm và tự luận.
 - Thực hành:
 - Tích cực hoạt động: làm việc nhóm, làm bài tập thực hành, đóng vai, đi thực tiễn ngoài thị trường và doanh nghiệp.
 - Giải quyết tình huống; Giải quyết vấn đề;
 - Tiểu luận, thuyết trình;
 - Lập dự án khởi nghiệp;
 - Kiến tập, thực tập nghề nghiệp và thực tập chuyên ngành
 - Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề tốt nghiệp
 - Các hình thức kiểm tra đánh giá có sự khác nhau, đa dạng tùy theo môn học được mô tả chi tiết trong đề cương .
- ### 3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu.
- Chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực được thiết kế theo chuẩn năng lực, kiến thức các môn học và module có tính kết nối hệ thống. Do đó, sinh viên học tập theo lộ trình mà Khoa, Bộ môn đã phân bổ theo học kỳ. Trường hợp sinh viên đăng ký học vượt phải tham khảo ý kiến của Cố vấn học tập.
 - Để đạt được kết quả học tập như mong đợi, sinh viên cần nghiêm túc tham dự các buổi học lý thuyết cũng như thực hành đầy đủ.



HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Xuân Nhì